



PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ TIẾNG VIỆT CHO TRẺ MẦM NON NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BỐI CẢNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: thaogddt@gmail.com

Tóm tắt: Trẻ mầm non người dân tộc thiểu số còn thiếu vốn từ tiếng Việt để giao tiếp, vui chơi, sinh hoạt và học tập ở nhà trường. Trẻ quá nghèo nàn về môi trường sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt ở gia đình và cộng đồng. Tiếng Việt hầu như chỉ được sử dụng trong các giờ học. Ngoài giờ học, trẻ đều giao tiếp với nhau bằng tiếng mẹ đẻ. Bài viết trình bày việc phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mầm non người dân tộc thiểu số trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

Từ khóa: Ngôn ngữ tiếng Việt; trẻ mầm non; dân tộc thiểu số; đổi mới giáo dục.

(Nhận bài ngày 02/6/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 23/6/2016; Duyệt đăng ngày 27/7/2016).

1. Đặt vấn đề

Trẻ mầm non người dân tộc thiểu số (DTTS) còn thiếu vốn từ tiếng Việt để giao tiếp, vui chơi, sinh hoạt và học tập ở nhà trường. Một bộ phận trẻ đến từ những cộng đồng DTTS sống tương đối độc lập, cách xa thị trấn, tiếng Việt là ngôn ngữ hoàn toàn mới và xa lạ nên những ngày đầu ra lớp, trẻ không nghe được cũng như không hiểu được bất cứ lời nào của cô. Một bộ phận trẻ nghe loáng thoáng được vài từ, nghe lơ mơ nhưng cũng chưa đủ để hiểu được cô nói gì.

Trẻ quá nghèo nàn về môi trường sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt ở gia đình và cộng đồng. Tiếng Việt hầu như chỉ được sử dụng trong các giờ học. Ngoài giờ học, trẻ đều giao tiếp với nhau bằng tiếng mẹ đẻ.

Giáo dục mầm non vùng DTTS hiện tại và tương lai sẽ vẫn tồn tại mô hình trường học mang tính đặc thù gồm điểm trường chính và các điểm trường lẻ với các lớp mẫu giáo ghép 2-3 độ tuổi. Cơ sở vật chất các phòng học cho các lớp ghép ở điểm lẻ thường không đảm bảo: Phòng học tạm, phòng học có diện tích nhỏ, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, sân chơi cho trẻ,... đều thiếu hoặc chưa đảm bảo yêu cầu. Thực tế này góp thêm một nguyên nhân ảnh hưởng không tốt tới chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ở vùng DTTS.

Chương trình giáo dục phổ thông mới đòi hỏi phải nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ mầm non người DTTS, đặc biệt là năng lực tiếng Việt để chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, chúng ta cần thúc đẩy các giải pháp đặc thù phù hợp với từng vùng DTTS để phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mầm non.

2. Các giải pháp thúc đẩy phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mầm non người dân tộc thiểu số trong bối cảnh đổi mới giáo dục

Đặc điểm phân bố dân cư vùng DTTS Việt Nam khá đa dạng: Một số vùng như Tây Nguyên, miền Trung, Tây Nam Bộ,... các DTTS sống tương đối độc lập. Một số

vùng như Đông Bắc, Tây Bắc, các DTTS thường sống đan xen nhau trên cùng một địa bàn, có khi là một địa bàn rất hẹp như một xã, thậm chí một bản nhỏ. Tuy nhiên, số lượng những thôn bản hoặc xã sống tập trung 1- 2 dân tộc cũng không ít. Đặc điểm phân bố này dẫn tới sự đa dạng các thành phần dân tộc trong các trường học, lớp học. Ngay trong một trường mầm non, các lớp học ở điểm lẻ thường thuần nhất một thành phần dân tộc, còn ở điểm trường chính, thường gồm nhiều thành phần dân tộc khác nhau. Vì vậy, giải pháp phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mầm non người DTTS cũng cần đa dạng, linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

2.1. Giải pháp tiếp cận giáo dục song ngữ cho những nhóm trẻ thuộc vùng các dân tộc thiểu số sống độc lập

Với những vùng có các DTTS sống độc lập có thể thực hiện giải pháp tiếp cận giáo dục song ngữ. Đã có những nghiên cứu thử nghiệm thành công về lĩnh vực này ở Việt Nam.

2.1.1. Thử nghiệm về Giáo dục song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, hợp tác giữa tổ chức Liên Hợp quốc Unicef và Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007-2015)

Giáo dục song ngữ (GDSN) dựa trên tiếng mẹ đẻ là một sáng kiến về phương pháp tiếp cận giáo dục cho trẻ em DTTS. Nội dung cơ bản của sáng kiến là sử dụng song ngữ trong giáo dục, trong đó tiếng mẹ đẻ được sử dụng làm ngôn ngữ giảng dạy ở mầm non và những năm đầu của tiểu học để tạo cơ sở, nền tảng ban đầu giúp trẻ tiếp nhận kiến thức khoa học và tiếp cận tiếng Việt. Tiếng Việt được dạy theo phương pháp dạy ngôn ngữ thứ 2. Chương trình thử nghiệm được thực hiện từ năm học 2008-2009 tại 3 tỉnh Lào Cai, Gia Lai, Trà Vinh với 3 nhóm trẻ 5 tuổi người DTTS: Mông, Jrai, Khmer. Lứa thứ nhất 261 trẻ; lứa thứ hai 259 trẻ. Sau 2 năm thực hiện, 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi ở cả 2 lứa trẻ thử nghiệm đều đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình. Đặc biệt



là kết quả vượt trội về năng lực tiếng Việt. Mục tiêu của chương trình GDSN mầm non đã đạt được một cách xuất sắc, được toàn thể giáo viên (GV), cán bộ quản lí, cha mẹ học sinh, cộng đồng ghi nhận và đánh giá cao.

Trong Hội nghị tổng kết giai đoạn song ngữ ở bậc học Mầm non năm 2010, toàn thể cán bộ quản lí và GV của 3 tỉnh thử nghiệm đều khẳng định hoàn toàn có thể tiếp tục nhân rộng mô hình này vì các điều kiện đã có sẵn và cơ bản là *Chương trình rất phù hợp với giáo dục mầm non*. Họ bày tỏ nguyện vọng mong muốn được thực hiện tiếp Chương trình song ngữ.

Trong bối cảnh đó, Lào Cai đã tạo một bước đột phá quan trọng: Tiếp tục nhân rộng Chương trình song ngữ. Tháng 6 năm 2011, Kế hoạch Hành động mở rộng GDSN được ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và đưa vào dự án 5 năm phát triển và cải thiện giáo dục giai đoạn 2011-2015. Từ năm 2010 đến 2016, GDSN được thực hiện tiếp nối ở 4 huyện Bắc Hà, Sa Pa, Simacai và Mường Khương. Năm học 2010-2011, thực hiện với 214 trẻ 5 tuổi/12 lớp mẫu giáo. Từ năm 2011 đến năm 2015, mỗi năm thêm khoảng 210 trẻ 5 tuổi. Đến cuối năm học 2015-2016, có 1300 học sinh được học Chương trình song ngữ. Tỉnh cũng đã đưa chương trình và kế hoạch đào tạo GV phục vụ cho GDSN vào trường cao đẳng sư phạm.

Hiện nay, tỉnh An Giang cũng đang thực hiện thử nghiệm GDSN cho học sinh Khmer tại 2 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên (hai huyện tập trung tới hơn 90% đồng bào Khmer sinh sống). Năm học 2013-2014, tỉnh đã thực hiện với 8 lớp mẫu giáo 5 tuổi. Năm học 2014-2015: 8 lớp mẫu giáo 5 tuổi đã vào tiểu học với 7 lớp 1 song ngữ. Chất lượng học tập của trẻ rất tốt.

2.1.2. Thử nghiệm giáo dục song ngữ của Tổ chức Save the Children (2007-2011)

Song song với mô hình thử nghiệm GDSN của Unicef, Tổ chức Save the Children cũng tiến hành thử nghiệm GDSN từ mầm non đến hết lớp 3 (từ năm 2007 đến năm 2011). Thử nghiệm được thực hiện với 12 lớp mẫu giáo 5 tuổi thuộc 4 nhóm dân tộc: Mông, Thái (Điện Biên) và Dao, Sán Chay (Quảng Ninh).

Mục đích của thử nghiệm nhằm hỗ trợ trẻ em DTTS hình thành một nền tảng tiếng mẹ đẻ vững chắc - một "cây cầu" tốt hỗ trợ cho việc học tiếng Việt và sau này trẻ có thể sử dụng cả hai ngôn ngữ trong quá trình học tập suốt các bậc học. Tiếng Việt được dạy theo phương pháp dạy ngôn ngữ thứ 2. Từng bước tăng cường sử dụng tiếng Việt thông qua việc sử dụng tiếng mẹ đẻ từ mẫu giáo để tăng dần việc sử dụng tiếng Việt lên đến 100% trong hoạt động dạy và học từ lớp 4. Sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy nhằm giúp việc học trở nên dễ dàng hơn, đảm bảo trẻ em đạt được chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình quốc gia.

2.1.3. Thử nghiệm phương pháp tiếp cận song ngữ của Tổ chức Oxfam Hongkong (2011-2013)

Năm 2011, Dự án Nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ em dân tộc thông qua sử dụng tiếng mẹ đẻ tại huyện Tương Dương, Nghệ An được thực hiện thí điểm với trẻ

dân tộc Thái tại xã Nga My. Đây là một xã vùng sâu, cách trung tâm huyện Tương Dương tới 70 km, người dân tộc Thái chiếm tới hơn 99%. Ngôn ngữ sử dụng tại cộng đồng là tiếng Thái. Tiếng Việt đối với họ thực sự là một thách thức.

Mục tiêu của dự án cũng nhằm tăng cường khả năng sử dụng tiếng Việt của trẻ DTTS thông qua việc sử dụng tiếng mẹ đẻ ở mẫu giáo, lớp 1, lớp 2; Tăng cường năng lực tư duy và học tập của trẻ thông qua việc sử dụng và phát triển ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ; Đảm bảo trẻ em đạt được chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình quốc gia.

Tuy dự án chỉ thực hiện trong thời gian ngắn nhưng mô hình được đánh giá thành công rực rỡ và được nhân rộng hầu hết địa bàn huyện Tương Dương.

Những kết quả trên là minh chứng thực tế khẳng định GDSN là một phương pháp tiếp cận khả thi hướng tới một nền giáo dục có chất lượng với học sinh DTTS. Trẻ em được tiếp cận giáo dục bằng tiếng mẹ đẻ của mình và thông qua ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ để tiếp cận tiếng Việt, gỡ bỏ được rào cản ngôn ngữ tiếng Việt- khó khăn lớn nhất của trẻ DTTS.

2.2. Giải pháp phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho vùng các dân tộc thiểu số sống đan xen trong cùng một địa bàn

Với những vùng các DTTS sống đan xen nhau, phương pháp dạy tiếng Việt như ngôn ngữ thứ 2 và các giải pháp thúc đẩy phát triển ngôn ngữ tiếng Việt thông qua các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ sẽ có tính khả thi cao.

2.2.1. Phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số cần được thực hiện tích cực qua các giờ Làm quen với văn học

Phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mầm non DTTS thông qua hoạt động Làm quen với văn học là hình thức hiệu quả nhất. Trong các giờ Đọc thơ, Kể chuyện, trẻ được làm quen với hệ thống âm thanh, ngữ điệu của tiếng Việt, cách diễn tả về âm thanh, cảm xúc của bài thơ, câu chuyện,... Trẻ được cô dạy phát âm đúng các từ, đọc từng dòng thơ, khổ thơ, kể lại được câu chuyện. Điều này rất quan trọng với trẻ DTTS. Việc phát âm mẫu của GV rất quan trọng, cần phải tròn vành, rõ tiếng, phát âm chậm cho trẻ quan sát khẩu hình, lắng nghe và thắm thấu về âm thanh, ngữ điệu để bắt chước theo cô. Học ngôn ngữ thứ hai, lỗi phát âm là lỗi dai dẳng và khó sửa nhất, nhưng nếu trẻ được học một GV phát âm chuẩn từ mầm non, hiện tượng mắc lỗi sẽ giảm thiểu đáng kể. Thực tế cho thấy, ở các lớp học mầm non, nếu GV đứng lớp phát âm tiếng Việt không chuẩn thì trẻ cũng sẽ phát âm tiếng Việt sai. Những lỗi này có thể sẽ theo suốt cả cuộc đời của người DTTS nếu như họ không tự có ý thức sửa hoặc được sửa lỗi một cách bài bản, khoa học, đúng phương pháp.

Dạy trẻ thuộc bài thơ, kể lại câu chuyện và hiểu nghĩa là cách thức tốt nhất giúp trẻ DTTS phát triển vốn từ và kĩ năng sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt.



2.2.2. *Phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số cần được thực hiện tích cực qua nội dung tích hợp với toán, khoa học, thẩm mỹ, kĩ năng xã hội, thể chất*

2.2.2.1. Trẻ học được từ ngữ và các mẫu câu mới

Trong mỗi giờ học (Làm quen với Toán, Khám phá khoa học, Âm nhạc, Tạo hình,...), qua việc nghe cô giới thiệu, phát âm mẫu, giảng giải, hướng dẫn,... trẻ tiếp tục được học về cách phát âm đúng các từ, câu trong nội dung bài học. Âm điệu, ngữ điệu của tiếng Việt với các dạng thức phong phú trong mỗi loại bài học thấm dần trong tâm thức, trở nên quen thuộc dần với trẻ.

Mỗi bài học đều xuất hiện những từ ngữ, thuật ngữ mới. Trẻ DTTS cần hiểu nghĩa những từ ngữ, thuật ngữ này mới hiểu được nội dung bài học. Với trẻ dân tộc Kinh có thể chỉ cần hiểu nghĩa từ là đủ nhưng với trẻ DTTS, cần học phát âm đúng từ, hiểu nghĩa từ và sử dụng từ đó trong hoạt động giao tiếp. Số từ mới cần dạy cho trẻ 3, 4 tuổi trong mỗi giờ học cũng chỉ nên là 3 từ.

2.2.2.2. Trẻ học được cách diễn đạt quan sát, suy nghĩ thành lời qua việc trả lời câu hỏi về nội dung bài học

Trong bất kì giờ học nào, hoạt động đàm thoại về nội dung bài học cũng là những tình huống sinh động để GV dạy trẻ cách thức sử dụng tiếng Việt. Vì vậy, mỗi câu hỏi cần cho nhiều trẻ được trả lời và GV sẽ chốt lại câu trả lời chuẩn xác, dạy trẻ thuộc (nếu câu trả lời có chứa từ mới học hoặc câu chứa nội dung cơ bản của bài).

2.2.3. *Phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số cần được thực hiện tích cực với những tiết học riêng biệt (tiết Tăng cường tiếng Việt)*

Phát triển ngôn ngữ tiếng Việt thông qua các giờ học không những giúp trẻ mầm non DTTS thuận lợi hơn trong việc hiểu bài mà còn giúp trẻ phát triển khá nhanh và bền vững vốn từ, mẫu câu và các kĩ năng giao tiếp tiếng Việt. Tuy nhiên, với từng chủ đề cụ thể, sẽ còn một lượng đáng kể các từ ngữ và mẫu câu trẻ cần học mà chưa vào được các giờ học trong chương trình. Đây là nhiệm vụ của loại tiết *Tăng cường tiếng Việt* hiện đang được chỉ đạo thực hiện trong các trường mầm non ở vùng DTTS. Số tiết/tuần phổ biến hiện nay từ 1-2 tiết.

Thực tế hiện nay hoạt động Tăng cường tiếng Việt còn mang nặng tính hình thức. GV còn tỏ ra bối rối, lúng túng khi thực hiện. Hệ thống các từ và mẫu câu được GV thực hiện một cách máy móc, đôi khi dạy lại cả những từ ngữ mà trẻ đã biết. Quy trình và phương pháp dạy nói từ và mẫu câu vẫn còn theo kinh nghiệm, chưa vận dụng phương pháp dạy tiếng như ngôn ngữ thứ hai.

Việc lựa chọn từ ngữ và mẫu câu cho hoạt động Tăng cường tiếng Việt với trẻ 5-6 tuổi có thể mở rộng hơn nữa, vươn tới những từ ngữ trẻ sẽ học đọc, học viết ở phân môn Học vần lớp 1.

2.2.4. *Quản lí và kiểm soát vốn từ và mẫu câu cần dạy cho trẻ trong từng hoạt động, từng chủ đề của năm học*

Để quản lí và kiểm soát được vốn từ và mẫu câu đã học, mỗi lớp học, GV cần một cuốn sổ theo dõi vốn từ và mẫu câu. Cuối tuần, GV sẽ ghi vào sổ các từ và mẫu câu

trẻ đã học. Cuối năm, GV sẽ quản lí và kiểm soát được toàn bộ vốn từ và các mẫu câu trẻ đã học trong năm. Như vậy, năm sau, bất cứ GV nào tiếp nhận lớp học cũng sẽ biết được hệ thống từ ngữ và mẫu câu trẻ đã học theo từng chủ đề của năm học trước. Trên cơ sở đó, GV sẽ tiếp tục phát triển vốn từ và mẫu câu phù hợp với độ tuổi và khả năng của trẻ, tránh được tình trạng dạy lại những từ mà trẻ đã biết trong khi còn rất nhiều từ trẻ cần học. Sau 3-5 năm trẻ học ở trường mầm non, GV sẽ tính được trung bình một trẻ có được bao nhiêu từ và mẫu câu cơ bản để chuẩn bị cho trẻ vào học lớp 1 thuận lợi.

Từ ngữ và những mẫu câu được ghi trong sổ theo dõi không phải rập khuôn sử dụng cho các năm sau. GV đứng lớp sẽ căn cứ vào đối tượng trẻ cụ thể để lựa chọn, thay thế, bổ sung các từ ngữ cho phù hợp, cập nhật.

2.2.5. *Dạy nói từ và câu tiếng Việt trong nội lực, mọi nơi để củng cố nghĩa từ, mở rộng/phát triển cách sử dụng từ ngữ trong hoạt động giao tiếp*

Để các từ ngữ trở thành vốn từ tích cực của trẻ DTTS thì việc dạy nói từ và mẫu câu trong các hoạt động học chỉ là khởi đầu. Trẻ cần được củng cố, ôn luyện, đặc biệt phát triển cách sử dụng từ ngữ đó trong các tình huống giao tiếp thực. Những hoạt động này cần được GV thực hiện ngoài giờ học, thực hiện mọi lúc, mọi nơi một cách linh hoạt, sáng tạo. Dưới đây là 3 bước trong quy trình dạy nói từ và mẫu câu tiếng Việt cho trẻ DTTS:

Bước 1: Nhận biết và hiểu

Dạy trẻ nói từ và mẫu câu; hiểu được nghĩa từ và nghĩa câu. Bước này được thực hiện lồng ghép trong một giờ học hoặc tiết Tăng cường tiếng Việt.

Bước 2: Vận dụng

Trẻ sử dụng các từ ngữ đã học vào các tình huống giao tiếp đơn giản, gần gũi, quen thuộc. Ví dụ: Trong hoạt động góc, hoạt động chơi tự do, GV có thể đưa ra một số lệnh hướng dẫn trẻ thực hiện với các đồ dùng đồ chơi để trẻ thực hành sử dụng ngôn ngữ.

Bước 3: Mở rộng/phát triển các tình huống sử dụng từ ngữ

GV đưa ra những tình huống khó hơn, phức tạp hơn cho trẻ sử dụng các từ ngữ đã học. Ví dụ: Trong giờ ăn, GV có thể đưa ra một số lệnh hướng dẫn trẻ thực hiện với các đồ dùng: *Cái bát, cái đĩa, cái cốc*, có thể hỏi trẻ những câu hỏi về cách giữ gìn bảo quản đồ dùng sạch sẽ, gọn gàng,... trong khi ăn, sau khi ăn.

2.2.6. *Tạo dựng môi trường giàu ngôn ngữ tiếng Việt bằng nhiều hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn ở địa phương*

Mỗi lớp học mầm non ở vùng DTTS cần trở thành môi trường giàu ngôn ngữ tiếng Việt để trẻ có thể tiếp xúc, học nói tiếng Việt mọi lúc, mọi nơi. Bố trí không gian lớp học đẹp, khoa học, thực sự tiện dụng cho việc vui chơi, học tập của trẻ là một trong các biện pháp hiệu quả giúp trẻ nhanh chóng phát triển năng lực tiếng Việt. Bên cạnh các tranh ảnh, đồ dùng mua sẵn hoặc được trang bị, GV mầm non vùng DTTS còn cần bổ sung thêm các đồ dùng, đồ chơi, tranh ảnh,... mang bản sắc văn hóa



dân tộc, gắn gũi với cuộc sống thực tế của trẻ. Hoạt động này giúp trẻ thấy gắn gũi, thân thiết, gắn bó với lớp học, tạo hứng thú giúp trẻ thích tới lớp, tới trường.

Song song với việc tạo dựng môi trường giàu ngôn ngữ tiếng Việt ở lớp học, ở gia đình và cộng đồng, giúp trẻ có thêm cơ hội học nói tiếng Việt, giao tiếp và sử dụng tiếng Việt cũng rất cần thiết. Cha mẹ trẻ mầm non hầu hết còn rất ít tuổi và đều biết đọc tiếng Việt. Trường mầm non có thể tham mưu với xã, phối hợp với các tổ chức đoàn thể của xã, thôn bản để xây dựng hình thức *Câu lạc bộ cha mẹ đọc sách cho trẻ ở gia đình*. Một tủ sách tại các lớp học với những câu chuyện tranh đẹp, phù hợp với trẻ mầm non để mỗi tuần cha mẹ trẻ có thể mượn về nhà, các buổi tối đọc cho trẻ nghe và trò chuyện với trẻ về nội dung, ý nghĩa câu chuyện là hoạt động lí tưởng giúp trẻ phát triển ngôn ngữ tiếng Việt. Nhà trường có thể mở 1-2 khóa tập huấn (1-2 buổi) để hướng dẫn cha mẹ trẻ cách đọc truyện, cách trò chuyện cùng con về nội dung câu chuyện,... Khuyến khích cha mẹ trước khi đọc truyện bằng tiếng Việt, kể cho trẻ nghe bằng tiếng mẹ đẻ, trò chuyện về nội dung câu chuyện bằng tiếng mẹ đẻ của mình để giúp trẻ hiểu nghĩa, dạy trẻ thuộc và kể lại được câu chuyện. GV ở các lớp sẽ trực tiếp phụ trách nhóm câu lạc bộ của lớp. Tủ sách của các lớp sẽ được luân chuyển vòng tròn để luôn luôn có sách mới. Những cuộc thi, giao lưu giữa cha mẹ các lớp sẽ là hình thức tốt để cha mẹ cùng dạy tiếng Việt cho trẻ.

3. Kết luận

Phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ mầm non DTTS cần sự quản lí chỉ đạo đồng bộ và kiểm tra giám sát chặt chẽ, cùng sự hỗ trợ, khuyến khích của cán bộ quản lí các cấp. Đáp ứng mục tiêu chuẩn bị cho trẻ vào học lớp 1 trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, giáo dục mầm non vùng DTTS cần xây dựng chiến lược phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho trẻ với các giải pháp linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2009), *Chương trình Giáo dục mầm non*, Thông tư số:17/ 2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009.
- [2]. *Tài liệu Tổng kết Chương trình giáo dục song ngữ của Unicef, Save the Children, Oxfam Hongkong*, 2013.
- [3]. Nguyễn Thị Phương Thảo (chủ biên), (2008), *Phương pháp dạy học song ngữ*, Tài liệu thử nghiệm Chương trình giáo dục song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ (Unicef).
- [4]. Nguyễn Thị Phương Thảo, (2014), *Phương pháp dạy tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai cho học sinh dân tộc cấp Tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [5]. Trần Thị Ngọc Trâm, Bùi Thị Kim Tuyến (đồng chủ biên), (2011), *Tài liệu Hướng dẫn chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

DEVELOPING VIETNAMESE LANGUAGE FOR PRESCHOOL ETHNIC CHILDREN IN THE CONTEXT OF EDUCATIONAL REFORM

Nguyen Thi Phuong Thao
The Vietnam Institute of Educational Sciences
 Email: thaogddt@gmail.com

Abstract: *Preschool children of ethnic minorities still lack Vietnamese language in communication, entertainment, living and studying at school. Communicative environment in Vietnamese language was too weak to develop in family and community. Pupils just use Vietnamese in classroom; mother tongue was used most time. The paper discusses Vietnamese development for preschool ethnic children in the context of educational reform.*

Keywords: *Vietnamese language; preschool children; ethnic minorities educational reform.*